

# THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ĐẢM BẢO CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ HOẠT ĐỘNG THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN

Nguyễn Trác Linh<sup>(1)</sup>

## Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học TDTT tiến hành đánh giá thực trạng các yếu tố bảo đảm công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên Học viện An ninh Nhân dân trên cơ sở phân tích chương trình môn học GDTC, đội ngũ giảng viên và HLV, nhu cầu hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên, cơ sở vật chất... Kết quả cho thấy: các yếu tố bảo đảm tương đối tốt cho công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa cho học viên tại Học viện.

**Từ khóa:** Thực trạng, yếu tố bảo đảm, GDTC, TDTT ngoại khóa, học viên.

## Current status of factors ensuring physical education and extracurricular sports activities of students of the People's Security Academy

### Summary:

Using basic methods in scientific research on physical education and sports, we assessed the current status of factors ensuring physical education and extracurricular sports activities for students of the People's Public Security Academy based on analysis of the curriculum, teaching staff and coaches, students' needs for extracurricular sports activities, facilities, etc. The results showed that the factors ensuring physical education and extracurricular sports activities for students at the School are relatively good.

**Keywords:** Current situation, security factors, physical education, extracurricular sports activities, students, People's Security Academy ...

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Học viện An ninh nhân dân (ANND) là một trong những cơ sở đào tạo lớn của Bộ Công an có nhiệm vụ đào tạo những sĩ quan an ninh nhân dân có năng lực, phẩm chất chính trị và chuyên môn vững vàng để hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Mục tiêu đào tạo của Học viện ANND là đào tạo ra cán bộ có lập trường tư tưởng vững vàng, nghiệp vụ chuyên môn giỏi, sức khỏe dồi dào, mưu trí dũng cảm đáp ứng yêu cầu công tác, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Cùng với các môn học nghiệp vụ, chính trị, pháp luật, môn học GDTC nói chung và môn võ thuật nói riêng được đưa vào chương trình chính khóa và ngoại khóa nhằm rèn luyện sức khỏe, các tố chất thể lực, phẩm chất đạo đức, chính trị và nhân cách cho học viên. Và để đảm bảo tốt nhiệm vụ này, việc nghiên cứu đánh giá thực trạng các yếu

tố đảm bảo tới công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên, làm căn cứ điều chỉnh quá trình tổ chức các hoạt động TDTT trường học là vấn đề cần thiết và cấp thiết, có ý nghĩa thực tiễn cao.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp toán học thống kê.

Khảo sát được tiến hành trên 1395 học viên Học viện ANND.

Thời điểm khảo sát: Năm học 2019-2020

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 1. Thực trạng chương trình môn học Giáo dục thể chất của học viên Học viện An ninh nhân dân

Tiến hành khảo sát thực trạng chương trình GDTC của Học viện ANND qua tham khảo tài

<sup>(1)</sup>TS, Học viện An ninh nhân dân; Email: Traclinhnguyen@gmail.com



**Học viện An ninh nhân dân tổ chức giải thi đấu thể thao đầu xuân Nhâm Dần 2022**

liệu và phỏng vấn trực tiếp các giảng viên tại Học viện. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Chương trình GDTC nội khóa tại Học viện ANND được xây dựng đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Công an quy định. Với 03 học phần và 5 tín chỉ, trong đó số lượng tín chỉ bắt buộc là 03 với 02 môn thể thao; và tự chọn là 02 tín chỉ với 04 môn thể thao.

**2. Thực trạng đội ngũ giảng viên, Huấn luyện viên Giáo dục thể chất tại Khoa Quân sự - Võ thuật Thể dục thể thao Học viện An ninh nhân dân**

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia công tác giảng dạy và huấn luyện môn Karate-do An ninh tại Học viện An ninh Nhân dân theo các năm học từ năm 2016 đến năm 2020. Kết quả khảo sát thu được trình bày ở bảng 2.

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Độ tuổi đội ngũ giảng viên, huấn luyện viên Khoa Quân sự - Võ thuật – TĐTT cơ bản ở khoảng 30 - 50, là độ tuổi sung sức, là các giảng viên có thâm niên công tác, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy.

Về trình độ chuyên môn: trình độ Tiến sĩ có 03/30 chiếm 10%; trình độ thạc sĩ 27/30 chiếm 90%.

Chức danh nghề nghiệp: HLVC và GVC có 14/30 chiếm tỷ lệ 46.6%, HLV và GV 14/30 chiếm tỷ lệ 46.6%. HLV và GV trợ giảng 2/30 chiếm tỷ lệ 6.6%.

**Bảng 1. Thực trạng chương trình môn học Giáo dục thể chất của học viên Học viện An ninh nhân dân**

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Số tín chỉ			
1	3 tín chỉ	1	33.30
	2 tín chỉ	2	66.70
Số lượng tín chỉ bắt buộc			
2	2 tín chỉ	2	66.70
	3 tín chỉ	1	33.30
Các môn thể thao bắt buộc			
3	Bơi lội	1	50.00
	Điền kinh	1	50.00
Các môn thể thao tự chọn			
4	Bóng chuyền	1	25.00
	Bóng rổ	1	25.00
	Võ Taekwondo	1	25.00
	Cầu long	1	25.00

**Bảng 2. Thực trạng đội ngũ giảng viên, HLV GDTC tại Học Viện ANND**

Tiêu chí khảo sát		Năm học			
Số lượng	%	2016 -2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
		28	28	30	30
<b>Trình độ</b>					
Tiến sĩ	$m_i$	1	2	3	3
	%	3.57	7.15	10.00	10.00
Thạc sĩ	$m_i$	27	26	27	27
	%	96.43	92.85	90.00	90.00
<b>Chức danh nghề</b>					
HLV C, GVC	$m_i$	8	10	12	14
	%	28.57	35.71	40.00	46.67
HLV, GV	$m_i$	14	13	14	14
	%	50.00	46.43	46.67	46.67
HLV, GV, (Trợ giảng)	$m_i$	6	5	4	2
	%	21.42	17.85	13.33	6.67
<b>Bộ môn giảng dạy</b>					
Quân sự	$m_i$	10	10	11	11
	%	35.71	35.71	36.66	36.66
Võ thuật	$m_i$	8	8	10	10
	%	28.57	28.57	33.33	33.33
TDTT	$m_i$	10	10	9	9
	%	35.71	35.71	30.00	30.00
<b>Độ tuổi</b>					
<30	$m_i$	0	0	0	0
	%	0	0	0	0
30 đến <40	$m_i$	10	10	12	12
	%	35.71	35.71	40.00	40.00
40 đến 50	$m_i$	12	12	12	12
	%	42.85	42.85	40.00	40.00
>50	$m_i$	6	6	6	6
	%	21.42	21.42	20.00	20.00
<b>Biên chế</b>	$m_i$	28	28	30	30
	%	100	100	100	100

100 % giảng viên trong Khoa Quân sự - Võ thuật – TDTT Học viện ANND đều trong biên chế.

Kết quả khảo sát cho thấy lực lượng giảng viên trong Khoa là đội ngũ có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, trình độ chuyên môn đã đáp

ứng tốt yêu cầu giảng dạy.

### **3. Thực trạng nhu cầu hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên Học viện An ninh nhân dân**

Chúng tôi tiến hành khảo sát nhu cầu tập luyện TDTT NK thông qua phỏng vấn 1395

**Bảng 3. Thực trạng nhu cầu hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên Học viện An ninh nhân dân (n=1395)**

Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn							
	Tổng hợp (n=1395)		Giới tính				So sánh	
			Nam (n=1160)		Nữ (n=235)			
	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	χ <sup>2</sup>	P
<b>Thực trạng học viên tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa</b>								
Thường xuyên	320	22.93	248	21.37	72	30.63	11.47	< 0.05
Thỉnh thoảng	862	61.79	734	63.28	128	54.47		
Không bao giờ	213	15.26	178	15.34	25	14.89		
<b>Thực trạng mong muốn tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa</b>								
Muốn tham gia tập luyện	1080	77.41	896	77.24	184	78.30	13.73	< 0.05
Phân vân	250	17.92	207	17.84	43	18.30		
Không muốn tham gia tập luyện	65	4.65	57	4.91	8	3.40		
<b>Thực trạng nhu cầu nội dung tập luyện ngoại khóa các môn thể thao</b>								
Bóng đá	408	29.24	391	33.7	17	7.23	31.48	< 0.05
Bóng chuyền	225	16.12	192	16.55	33	14.04		
Bóng bàn	160	11.46	133	11.46	27	11.48		
Bóng rổ	157	11.25	138	11.89	19	8.01		
Cầu long	373	26.73	304	26.2	69	29.36		
Điền kinh	349	25.01	284	24.48	65	27.65		
Võ thuật	521	37.34	503	43.36	18	7.65		
Bơi lội	157	11.25	133	11.46	24	10.21		
Đá cầu	69	4.94	59	5.09	10	4.25		
Cờ (cờ vua, cờ tướng)	78	5.59	60	5.17	18	7.65		
Thể dục (Gym, xà, Aerobic, dance sport...)	201	14.4	163	14.05	38	16.17		
Các môn thể thao khác	64	4.58	52	4.48	12	5.1		
<b>Thực trạng nhu cầu hình thức tham gia CLB thể thao có người hướng dẫn</b>								
- Có	1007	72.18	830	71.55	177	75.31	2.52	< 0.05
- Không	388	27.81	330	28.44	58	24.68		

học viên, trong đó có 1160 học viên nam và 235 học viên nữ. Phỏng vấn được tiến hành bằng phiếu hỏi.

Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy:

Tỷ lệ học viên muốn tham gia tập luyện TDTT NK cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ học viên thực tế tham gia tập luyện TDTT NK ở cả nam và nữ. Mức chênh lệch dao động từ 19.18% đến 24.88%. Như vậy, có rất nhiều học viên muốn tham gia tập luyện TDTT NK nhưng chưa

tham gia tập luyện. Nếu có những biện pháp hợp lý, tìm hiểu nguyên nhân rõ ràng có thể thu hút thêm nhóm đối tượng này tham gia tập luyện TDTT NK. Tỷ lệ học viên muốn tham gia tập luyện TDTT NK và không muốn tham gia tập luyện có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (P<0.05 khi so sánh bằng tham số χ<sup>2</sup>).

Số lượng học viên có nhu cầu tham gia tập luyện NK các môn thể thao cũng cao hơn rất nhiều so với số lượng học viên tham gia tập luyện thực tế ở cả nam và nữ. Tỷ lệ học viên có

**Bảng 4. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện TDTT ngoại khóa của Học viện An ninh nhân dân**

TT	Nội dung	Số lượng	Mức độ đáp ứng nhu cầu			
			Đáp ứng tốt		Chưa tốt	
			m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%
1	Sân tập	2	2	100	-	-
2	Nhà tập	2	1	50	1	50
3	Sân Đá cầu	0	-	-	-	-
4	Sân Bóng chuyền	3	2	66.7	1	33.3
5	Bàn Bóng bàn	10	5	50	5	50
6	Sân Bóng rổ	2	-	-	2	100
7	Sân Cầu lông	4	4	100	-	-
8	Sân Tennis	2	1	50	1	50
9	Sân bóng đá	1	1	100	-	-
10	Phòng tập thể dục	1	-	-	1	100
11	Bể bơi	0	-	-	-	-
12	Bàn cờ (cờ vua, cờ tướng)	10	10	100	-	-
13	Các loại sân khác	1	-	-	1	100

nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK cũng phân tán giữa các môn, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $P < 0.05$  khi so sánh bằng tham số  $\chi^2$ ).

Nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khóa nhiều nhất ở học viên nam tập trung vào các môn Bóng đá, Võ thuật, Điền kinh. Các môn khác có tỷ lệ phân tán hơn và thấp hơn. Nhóm thuộc về các môn thể thao như Đá cầu, Cờ.

Nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khóa nhiều nhất ở học viên nữ tập trung vào các môn: Cầu lông, Điền kinh và Thể dục. Tỷ lệ chênh lệch giữa các môn này thấp hơn so với nam.

Nhu cầu tập luyện của học viên nói chung không phụ thuộc nhiều vào giới tính, tập trung ở các môn: Cầu lông, Điền kinh, Bóng chuyền và Thể dục, các môn khác chiếm tỷ lệ ít hơn. Đặc biệt, khi khảo sát nhu cầu học viên tham gia tập luyện môn Bơi lội cao hơn nhiều lần so với số lượng người đã tham gia tập luyện thực tế, đồng thời, mỗi học viên thường thích tham gia tập luyện nhiều môn thể thao. Đây là một điểm đặc biệt về nhu cầu tập luyện TDTT NK của học viên Học viện ANND.

Về nhu cầu tham gia tập luyện tại các CLB thể thao: Phần lớn học viên cả nam và nữ (trên 70%) có nhu cầu tham gia các CLB thể thao, chứng tỏ hình thức tổ chức tập luyện này có thể

phát triển trong tổ chức tập luyện TDTT NK cho học viên Học viện ANND. Khi so sánh sự khác biệt kết quả điều tra giữa nam và nữ bằng chỉ số  $\chi^2$  cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $P > 0.05$ ).

Tóm lại, phân tích nhu cầu tập luyện TDTT NK của học viên Học viện ANND cho thấy: Tỷ lệ học viên có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK tương đối cao; Các môn thể thao được yêu thích tập luyện ở nam là Bóng đá, Võ thuật, Điền kinh, với học viên nữ là Cầu lông, Điền kinh, Bóng chuyền và Thể dục; Học viên thích tham gia tập luyện TDTT NK theo hình thức CLB thể thao có người hướng dẫn.

#### **4. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện TDTT ngoại khóa cho học viên Học viện An ninh nhân dân**

Đánh giá thực trạng CSVC phục vụ tập luyện TDTT NK cho học viên Học viện ANND dân thông qua phiếu hỏi. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: Kết quả khảo sát CSVC phục vụ học tập môn học GDTC chính khóa và ngoại khóa ở Học viện ANND còn thiếu cả về chất lượng và số lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập và tập luyện TDTT NK cho học viên. Cụ thể: Chỉ có sân tập, sân



**Nhu cầu tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của học viên học viện An ninh nhân dân rất đa dạng, phong phú, phân tán ở nhiều môn thể thao**

Cầu lông, sân Bóng đá và sân Bóng chuyền, Bàn cờ khi khảo sát cho thấy đều có chất lượng tốt, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu học tập nội khóa cũng như tập luyện ngoại khóa cho học viên. Còn lại CSVC dành cho các môn thể thao khác của Học viện ANND đều đã có hiện tượng xuống cấp, chưa đủ tiêu chuẩn để đáp ứng cho nhu cầu học tập và tập luyện của học viên. Thậm chí có những môn thể thao có số lượng học viên có nhu cầu tập luyện nhưng không có CSVC như: Đá cầu, đặc biệt là Bơi lội, là môn thể thao được nhiều học viên yêu thích tập luyện, đồng thời cũng là một kỹ năng sống cần thiết, tuy nhiên Học viện không có bể bơi. Tất cả học viên tập luyện thêm môn thể thao này đều tham gia theo hình thức dịch vụ, thuê giờ ở các cơ sở gần trường. Đây cũng là lý do chưa thể phát triển ngoại khóa môn thể thao này tại các trường học.

### KẾT LUẬN

Thực trạng các yếu tố đảm bảo tới công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa cho học viên Học viện ANND cho thấy: Chương trình môn học và đội ngũ giáo viên đáp ứng tương đối

tốt nhu cầu học tập; Tỷ lệ học viên có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK tương đối cao, các môn thể thao được yêu thích đa dạng; Học viên thích tham gia tập luyện TDTT NK theo hình thức CLB thể thao có người hướng dẫn...; Dù đã được quan tâm đầu tư nhưng CSVC vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu tập luyện của học viên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 1/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.*
2. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16.3.2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”.*
3. Bộ Công an (2006), *Chỉ thị số 10/CT/2006 - BCA (X11) ngày 15/11/2006 về tăng cường công tác huấn luyện quân sự, võ thuật trong lực lượng CAND.*